TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK MIL,** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06a/2022/DS-ST
Ngày: 25-02-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Sỹ Phác

2. Ông Nguyễn Duy Chấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Kim Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên toà: Bà Lê Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 133/2021/TLST-DS, ngày 11 tháng 6 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2021/QĐXX-ST ngày 06/12/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Phi H *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Phi H *(Có đơn xin xét xử vắng mặt)*

Địa chỉ: đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

- *Bị đơn:* Bà Tăng Nguyễn Ngọc M *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Tăng Triệu V *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn và lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Vào ngày 01/12/2019, ông Nguyễn Phi H có cho bà Tăng Nguyễn Ngọc M vay số tiền 50.000.000 đồng *(Năm mươi triệu đồng),* bà M có nghĩa vụ trả số tiền đã vay cho ông H vào ngày 30/12/2019. Ông H, bà M thỏa thuận lãi suất với nhau là 1,65%/01 tháng. Hai bên có lập hợp đồng vay tiền (01 bản), sau khi nhận tiền bà M có ký vào hợp đồng vay tiền và giao cho ông H giữ (01 bản) và bà M có giao cho ông H 01 bản gốc giấy chứng minh nhân dân và 01 sổ hộ khẩu gia đình mang tên Tăng Nguyễn Ngọc M. Khi đến hạn bà M không trả nợ cho ông H như thỏa thuận. Nay ông H khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân huyện Đắk Mil giải quyết buộc bà Tăng Nguyễn Ngọc M phải trả số tiền 50.000.000 đồng và tiền lãi kể từ ngày 01/12/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm vụ án, với lãi suất 1,65%/01 tháng. Tổng số tiền là 72.110.000 đồng (Bảy mươi hai triệu một trăm mười nghìn đồng), trong đó: nợ gốc là 50.000.000 đồng và nợ lãi là 22.110.000 đồng.

- Theo ý kiến trình bày của bà Tăng Nguyễn Ngọc M trong quá trình tố tụng: Bà M có mối quan hệ quen biết với ông H, tuy nhiên bà M không có vay tiền của ông H, cũng không lập hợp đồng vay tài sản với ông H vào ngày 01/12/2019, bà M thừa nhận chữ ký trong hợp đồng vay tiền là của bà M nhưng không hiểu vì sao lại ký tên trong hợp đồng vay tài sản với ông H vào ngày 01/12/2019. Đối với lý do ông H cầm của bà M 01 giấy chứng minh nhân dân (bản gốc) và 01 sổ hộ khẩu (bản gốc) là vì trước đây thì bà M có mượn của ông H số tiền 800.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng, khi vay thì ông H có yêu cầu bà đưa bản gốc giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu, giấy phép kinh doanh, sau đó bà M đã trả hết tiền cho ông H nhưng ông H vẫn không trả các giấy tờ trên cho Bà. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bà M không đồng ý vì bà M không có vay số tiền trên và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án thì bà Tăng Nguyễn Ngọc M và ông Tăng Triệu V đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và làm việc với Tòa án. Tuy nhiên, bà M, ông V lại vắng mặt tại các buổi đối chất, công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử vụ án.

Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án, căn cứ vào: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, Điều 463, Điều 465,Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Phi H (nguyên đơn). Buộc bà Tăng Nguyễn Ngọc M (bị đơn) phải thanh toán cho ông Nguyễn Phi H tổng số tiền 72.110.000 đồng (trong đó: 50.000.000 đồng tiền gốc và 22.110.000 đồng tiền lãi). Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, bà Tăng Nguyễn Ngọc M phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng đối với số tiền gốc chưa thanh toán cho đến khi trả nợ xong.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Tăng Nguyễn Ngọc M phải chịu toàn bộ số tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1]1.1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Nguyễn Phi H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Tăng Nguyễn Ngọc M phải thanh toán số tiền gốc 50.000.000 đồng và khoản tiền lãi phát sinh từ hợp đồng vay tài sản đã giao kết nên quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]1.2. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Tăng Nguyễn Ngọc M có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại thôn X, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]1.3. Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn và người đại diện theo ủy quyền tại phiên tòa: Đối với nguyên đơn và người đại diện vắng mặt tại phiên tòa nhưng người đại diện theo ủy quyền đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn và người đại diện theo ủy quyền vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã tống đạt hợp lệ đối với bị đơn để có mặt tại phiên tòa nhưng bị đơn và người đại diện theo ủy quyền vẫn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa mà không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử đã căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người đại diện theo ủy quyền.

2. Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

[4]2.1. Về số tiền gốc đã vay và thời hạn trả nợ: Theo các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, thể hiện: Ngày 01/12/2019, bà Tăng Nguyễn Ngọc M có vay của ông Nguyễn Phi H số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 tháng (từ ngày 01/12/2019 đến 30/12/2019). Khi vay có lập hợp đồng vay tiền và bà M có ký nhận trong hợp đồng vay tiền và có giao cho ông Nguyễn Phi H giữ các giấy tờ của bà M: Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu mang tên Tăng

Nguyễn Ngọc M nên giữa ông H và bà M có phát sinh hợp đồng vay tài sản, thời hạn phải trả số tiền gốc đã vay là ngày 30/12/2019.

[5] Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

"Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay pH hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng…"

[6]Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành phiên đối chất, công khai chứng cứ và thông báo kết quả việc công khai chứng cứ cũng như các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, mặc dù đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà M và người đại diện theo ủy quyền vẫn không tham gia tố tụng, không cung cấp các chứng cứ chứng mình để phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[7]Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định:

2. Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình pH thể hiện bằng văn bản và pH thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó.

…

4. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.

[8]Các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là phù hợp, việc giao kết hợp đồng vay tiền giữa các bên là có thật, hình thức hợp đồng và nội dung thỏa thuận việc vay tiền giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với các quy định của pháp luật; đến thời hạn trả nợ mà bà M không thanh toán số tiền gốc đã vay là vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vi phạm hợp đồng đã giao kết.

[9]Khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự quy định:

"1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác".

[10]Việc bà Tăng Nguyễn Ngọc M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông Nguyễn Phi H khi đến hạn là vi phạm cam kết và vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền gốc 50.000.000 đồng đã vay là có căn cứ và cần chấp nhận

[11]2.2. Về số tiền lãi: Trong đơn khởi kiện và quá trình làm việc, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền lãi từ ngày vay (01/12/2019) đến ngày xét xử sơ thẩm là 22.110.000 đồng (50.000.000 đồng x 1,65%/tháng x 26 tháng 24 ngày).

[12]Theo hợp đồng đã giao kết và hợp đồng vay tiền đề ngày 01/12/2019 thể hiện các bên có thỏa thuận về lãi suất là 1,65%/tháng.

[13]Điều 468 của Bộ luật dân sự quy định:

1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác.

[14]Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền lãi từ ngày 01/12/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 25/02/2022) với mức lãi suất 1,65%/năm là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận và buộc bị đơn phải thanh toán số tiền lãi là 22.110.000 đồng cho nguyên đơn.

[15]3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ số tiền án phí dân sự sơ thẩm (72.110.000 đồng x 5% = 3.605.500 đồng)

[16]Xét quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 274, Điều 280, Điều 357, Điều 401, Điều 463, Điều 465,Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Phi H (nguyên đơn) đối với bà Tăng Nguyễn Ngọc M (bị đơn) về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

1. Buộc bà Tăng Nguyễn Ngọc M phải thanh toán cho ông Nguyễn Phi H số tiền 72.110.000 đồng (Bảy mươi hai triệu một trăm mười nghìn đồng), trong đó: số tiền gốc là 50.000.000 đồng và số tiền lãi là 22.110.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, bà Tăng Nguyễn Ngọc M phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng đối với số tiền gốc chưa thanh toán cho đến khi trả nợ xong.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Tăng Nguyễn Ngọc M phải nộp số tiền 3.605.500 đồng (Ba triệu sáu trăm lẻ năm nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông Nguyễn Phi H số tiền 1.600.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006631 ngày 09/6/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn và người đại diện theo ủy quyền vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil (02);
- Chi Cục THADS huyện Đắk Mil;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Trung Dũng